

Vai trò kinh tế của phụ nữ trong gia đình làng nghề (Nghiên cứu trường hợp tại làng lụa Vạn Phúc và làng rèn Đa Sỹ)

Phan Huyền Dân
Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới

Tóm tắt: Bài viết tổng hợp các kết quả nghiên cứu về vai trò kinh tế của phụ nữ trong gia đình ở một số làng nghề thuộc khu vực đồng bằng Bắc Bộ, từ đó đối chiếu với hai trường hợp khảo sát cụ thể là làng lụa Vạn Phúc và làng rèn Đa Sỹ (Hà Đông, Hà Nội), là hai làng nghề lâu đời có đặc điểm khác nhau về tính chất công việc. Kết quả khảo sát định tính này chỉ ra rằng vai trò và vị thế kinh tế của phụ nữ ở 2 làng nghề đều được công nhận, hoàn toàn khác biệt so với những nghiên cứu trước đây về vai trò kinh tế của phụ nữ ở khu vực nông thôn không có nghề phụ. Thời gian dành cho hoạt động sản xuất tại làng nghề kéo dài hơn so với ở các khu vực chỉ làm nông nghiệp, nên có thể nói phụ nữ làng nghề vất vả hơn so với phụ nữ chỉ làm nông nghiệp, tuy nhiên, họ chủ động về thời gian, về tài chính và chủ động trong công việc. Mỗi quan hệ vợ chồng cũng bình đẳng hơn, thể hiện ở sự tôn trọng khi cả hai cùng đóng góp và hỗ trợ nhau hàng ngày.

Từ khóa: Phụ nữ; Gia đình; Làng nghề; Vai trò kinh tế; Vạn Phúc; Đa Sỹ.

1. Giới thiệu

Làng nghề truyền thống ở Việt Nam chủ yếu dựa trên đơn vị gia đình. Trong gia đình, đối tượng làm nghề chủ yếu là phụ nữ (Nelson, Margaret, 2002: 131), do đó, việc xác định đóng góp công sức và kinh tế của phụ nữ là điều cần thiết. Số lượng hạn chế các nghiên cứu về chủ đề này cũng là yếu tố thúc đẩy đề tài tìm hiểu vai trò kinh tế của phụ nữ trong gia đình làng nghề.

Bài viết tổng hợp các kết quả nghiên cứu về vai trò kinh tế của phụ nữ trong gia đình ở một số làng nghề thuộc khu vực đồng bằng Bắc Bộ, từ đó đổi chiều với hai trường hợp khảo sát cụ thể là làng lụa Vạn Phúc và làng rèn Đa Sỹ thuộc Hà Đông, Hà Nội. Nghiên cứu lựa chọn hai làng nghề vì đây là hai làng nghề lâu đời có đặc điểm khác nhau về tính chất công việc, trong khi dệt lụa được coi là công việc không quá nặng nhọc, chỉ tốn thời gian nên phù hợp với phụ nữ, thì rèn sắt được coi là công việc rất nặng nhọc, cần nhiều kỹ thuật, và phù hợp hơn với nam giới.

2. Phương pháp tiếp cận

Bài viết sử dụng khung Harvard với ba công cụ phân tích (UNRWA, 2011):

- Công cụ thứ nhất tìm hiểu về hoạt động kinh tế - xã hội, với các câu hỏi: ai làm gì, khi nào, ở đâu và trong bao lâu, và vì sao.
- Công cụ thứ hai tìm hiểu về khả năng tiếp cận, kiểm soát các nguồn lực và lợi ích, với các câu hỏi: ai tiếp cận, ai kiểm soát, và vì sao.
- Công cụ thứ ba xác định các yếu tố ảnh hưởng đến nam giới và phụ nữ, với câu hỏi vì sao lại có những ảnh hưởng đó.

Khung Harvard tiếp cận trung lập về giới, nhìn nhận vai trò của phụ nữ thông qua thu thập thông tin thực tế, và phân định giữa khả năng tiếp cận với khả năng kiểm soát nguồn lực.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính trên 20 phỏng vấn sâu (PVS) với mục tiêu khai phá, kiểm tra và phân tích sâu hơn những điểm đã có và chưa có trong các nghiên cứu về vai trò của phụ nữ trong gia đình làng nghề. Tại Vạn Phúc, 10 PVS được thực hiện, bao gồm chủ tịch hiệp hội làng nghề, phụ nữ dệt lụa thuê, đã chuyển nghề, từng làm nghề nhưng đã nghỉ, đang làm nghề, và nam giới. Tại Đa Sỹ, 10 PVS được thực hiện, bao gồm chủ tịch hiệp hội làng nghề, vợ chồng của họ làm dao thường và làm dao thửa.

3. Tổng quan các nghiên cứu về vai trò kinh tế của phụ nữ trong gia đình ở làng nghề

Vai trò kinh tế của phụ nữ trong gia đình được nhìn nhận ở vai trò đóng góp tiền mặt và đóng góp công sức thuộc hoạt động kinh tế, quản lý tiền của và ra quyết định trong làm ăn kinh tế thuộc vấn đề tiếp cận, kiểm soát nguồn lực và lợi ích.

Ở làng nghề, cho dù được coi là nghề phụ hay nghề chính, phụ nữ đều có vai trò quan trọng và dành phần lớn thời gian để làm nghề. Để thúc đẩy cải thiện vai trò kinh tế của phụ nữ, phụ nữ cần tham gia lực lượng lao động. Quan niệm về việc phụ nữ chỉ làm việc nhà và trách nhiệm kiếm tiền thuộc về nam giới đã thay đổi, và bản thân phụ nữ trong quá trình tham gia nghề đã chứng minh được năng lực của mình.

Nghiên cứu của Nguyễn Phương Lê (2009) có những phát hiện quan trọng về vai trò kinh tế của người phụ nữ trong gia đình và lý do dẫn tới vị thế hiện tại của phụ nữ ở làng chạm khắc gỗ Kim Thiều thuộc xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Vai trò của lao động nữ ở đây đa dạng. Những người sinh tại làng có thể tham gia nghề chạm khắc gỗ với tư cách là lao động trực tiếp ở tất cả các khâu sản phẩm. Phụ nữ có thể tham gia sản xuất, lưu hành buôn bán sản phẩm. Nhiều chị em trở thành chủ doanh nghiệp, quản lý... Phụ nữ là lao động hợp đồng được giao những nhiệm vụ đơn giản như đánh bóng sản phẩm trước khi tiêu thụ.

Phụ nữ làng nghề phải thực hiện ba gánh nặng (làm nông nghiệp, làm nghề, và làm việc nhà) trong đó làm nông nghiệp được duy trì vì nhiều lý do. Bản thân nghề chạm khắc gỗ mang lại thu nhập chính, nhưng có lúc kém ổn định, nên làm nông nghiệp, đặc biệt là trồng lúa vẫn được coi là nguồn giúp ổn định sinh kế. Việc duy trì hoạt động nông nghiệp trong một cộng đồng hoạt động phi nông nghiệp giúp phụ nữ có thể mạnh mẽ hơn. Thứ nhất, nguồn thu nhập của phụ nữ trở nên đa dạng hơn so với nam giới, đặc biệt có ý nghĩa khi việc buôn bán sản phẩm chạm khắc gấp đinh trê. Thứ hai, phụ nữ có thể cung cấp gạo và nhiều thực phẩm khác trong khi thực phẩm không an toàn đang là vấn đề lo ngại hiện nay. Thứ ba, nhiều gia đình thuê nhân công làm ruộng, như vậy phụ nữ vừa giảm gánh nặng cho mình, vừa có quyền lực của người làm chủ. Tóm lại, khi phụ nữ có khả năng chuyển dịch và đa dạng sinh kế, họ có thể tự tạo ra sức mạnh của bản thân ở cả trong và ngoài gia đình.

Trong nghiên cứu của Nguyễn Linh Khiếu (2003:77) về giới và gia đình, tác giả đề cập tới Thanh Hà, một xã có nghề sản xuất hàng thêu ren

truyền thống trên 300 năm thuộc huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam với số mẫu khảo sát là 100 hộ gia đình. Ở Thanh Hà tồn tại hai hình thức làm nghề cơ bản: chủ cai và lao động làm thuê. Đối với gia đình chủ cai, chủ yếu người chồng đứng vị trí chủ cai, vì họ đứng tên kinh doanh và điều hành. Người chồng thường đảm nhiệm việc quan hệ, giao dịch và ký kết hợp đồng. Người vợ trực tiếp quản lý hậu cần và tay hòm chìa khóa trong hoạt động kinh doanh. Nếu so sánh về vai trò, người vợ và người chồng thực sự hỗ trợ nhau, và họ là “đồng chủ thể cai thầu”. Đối với loại hình làm thuê, các hộ gia đình làm công tại nhà và nghề này được coi là nghề phụ. Tuy tất cả các thành viên trong gia đình tham gia, nhưng người vợ vẫn làm nhiều nhất tới 80% khối lượng công việc. Số tiền thu được từ gia công thuê ren là tiền mặt, chiếm tới 79% cơ cấu thu nhập của nhiều hộ gia đình, và được 40,3% số hộ khảo sát công nhận là yếu tố khiến kinh tế gia đình khấm khá trong giai đoạn sau Đổi mới. Tuy nhiên, khi làm gia công, số tiền thu được chưa tương xứng với thời gian và công sức họ bỏ ra – tức là tuy phụ nữ tham gia phần lớn trong lực lượng lao động nghề thuê ren, nhưng thu nhập chưa cao. Ngược lại, nam giới chủ yếu đi làm ăn xa trong các nghề có ngày công lao động cao hơn, và cũng chuyên tâm trong công việc kiếm tiền do ít phải tham gia việc nội trợ, con cái..., nên nguồn thu tiền mặt mà nam giới đem về cao hơn người vợ. Bởi vậy, đa số chị em ở đây đánh giá vai trò kinh tế của chồng cao hơn so với bản thân.

Tác giả có một phát hiện đáng chú ý rằng khi vì lợi ích chung của cả gia đình trong việc tìm kiếm thu nhập, tất cả mọi thành viên không kể già trẻ, nam nữ đều không tiếc công sức làm việc, và vấn đề phân công lao động trong gia đình sẽ cũng vì mục tiêu phù hợp với lợi ích của cả gia đình. Phát hiện này chứng minh cho luận điểm của Trần Thị Vân Nương (2013) rằng phân công lao động theo giới có thể linh hoạt tùy vào loại hình gia đình, và các giai đoạn phát triển của một gia đình. Không phải bất cứ khi nào sự khác biệt về phân công lao động theo giới đều bất hợp lý và cần thay đổi sao cho đạt được bình đẳng giới, mà quan trọng hơn, sự điều chỉnh cần “xuất phát từ những điều kiện kinh tế - xã hội làm nảy sinh kiểu phân công lao động đó”. Như vậy, từ đánh giá cá nhân thì vai trò kinh tế của người chồng thường cao hơn người vợ, nhưng từ cái nhìn tổng thể, đóng góp của người phụ nữ không những rất to lớn, mà còn không hề thua kém người chồng (Nguyễn Linh Khiếu, 2003: 92).

Tóm lại, từ góc độ đóng góp kinh tế, phụ nữ làng nghề có cơ hội đa dạng hóa nguồn thu nhập cao hơn hẳn so với phụ nữ làm nghề nông thuần túy. Đồng thời, thời gian phụ nữ lao động cũng nhiều hơn, chưa kể thời gian chăm sóc gia đình. Tuy nhiên, thứ nhất, hai nghiên cứu trên không đề

cập tới quyền sở hữu tài sản, quyền quản lý tiền mặt, và quyền ra quyết định nên chưa có thông tin để bình luận về mối quan hệ đóng góp thu nhập của phụ nữ với các quyền đó. Thứ hai, hai nghiên cứu là con số khiêm tốn để đưa ra nhận định chung về đặc điểm vai trò kinh tế của phụ nữ trong gia đình ở làng nghề. Do đó, đây là những điểm cần được kiểm chứng thêm trong nghiên cứu tại Vạn Phúc và Đa Sý.

4. Kết quả nghiên cứu

Làng lụa Vạn Phúc

Vạn Phúc được hình thành từ thế kỷ thứ 9, và là làng nghề lâu đời nhất Việt Nam vẫn còn hoạt động tới ngày nay. Sau giai đoạn hưng thịnh 1996-2006, Vạn Phúc đang ở giai đoạn thoái trào. Hiện nay trong làng chỉ còn khoảng 200 khung dệt. Các hộ gia đình một số vẫn sản xuất mặc dù có thể giảm số khung dệt, một số chuyển nghề ra hoạt động bên ngoài, một số chuyển sang kinh doanh lụa, và một số thợ dệt đi làm thuê cho xưởng lớn thay vì sản xuất tại nhà.

Xét về đặc điểm công việc, nghề dệt đòi hỏi vừa phải về độ phức tạp trong kỹ thuật và độ nặng nhọc, nên nam giới hay phụ nữ đều có thể thực hiện hầu hết các khâu. Trước kia, khi nghề dệt là nghề chính của gia đình, vợ chồng có thể làm cả đêm ngày mới đủ hàng cung cấp cho thị trường, nên ngoài dệt lụa, các gia đình không có thời gian làm nghề phụ. Các công đoạn của nghề dệt bao gồm mua tơ, guồng tơ, làm hồ, mắc trực, nối trực vào máy, chạy máy, nấu tráng, phơi khô, nhuộm, và đem đi tiêu thụ. Trong quá trình chạy máy có hỏng hóc thì thêm khâu sửa máy. Trong quá trình làm hàng muôn thay đổi mẫu mã sẽ có khâu đục bìa carton để thay đổi mẫu phù hợp thị hiếu.

Ngày nay, có rất nhiều khâu không nhất thiết do hộ gia đình sản xuất trực tiếp thực hiện. Đơn cử khâu vắt vả nhất là mắc trực chủ yếu đi thuê ngoài để tiết kiệm thời gian. Khâu đòi hỏi kỹ thuật như sửa chữa máy chủ yếu đi thuê thợ sửa máy. Khâu làm hồ và nhuộm cũng được chuyên môn hóa, nên sẽ có những hộ chuyên nhận việc này. Riêng khâu đục bìa carton tạo mẫu mã chỉ có nghệ nhân mới đủ kỹ thuật thực hiện, và “chỉ còn một nhà trong làng làm được nhưng không chịu truyền nghề ra ngoài” (Chủ tịch Hiệp hội làng nghề Vạn Phúc). Thường lái đến tận nơi giao tơ và thu mua hàng hóa theo giá cả thị trường và chất lượng theo uy tín làm ăn lâu dài, nên các hộ làm nghề không phải đi lại nhiều. Như vậy, các hộ gia đình sản xuất chỉ chịu trách nhiệm với các khâu guồng tơ, nối trực vào máy, chạy máy, nấu tráng và phơi khô. Đây là những khâu chủ yếu do phụ nữ

làm, tới mức “phụ nữ thực hiện tới 80% công việc”, và 20% công việc còn lại được hiểu là “nếu vợ bạn thì chồng hỗ trợ” (Nam, 62 tuổi, gia đình đang làm nghề). Lý do thứ nhất khiến ngày nay chủ yếu phụ nữ làm dệt là do sự suy giảm tốc độ phát triển của nghề, khiến phần lớn nam giới chuyển dịch sang nghề khác. Lý do thứ hai là nhiều công đoạn đã chuyển sang thuê ngoài, nên phần việc còn lại hoàn toàn nằm trong khả năng thực hiện một mình của phụ nữ. Lý do thứ ba bắt nguồn từ yêu cầu sự tỉ mỉ, cần mẫn, dành nhiều thời gian mới có được sản phẩm, trong khi “nam không chịu nổi việc đứng một chỗ, nữ thì bền bỉ hơn” (Nam, 62 tuổi, gia đình đang làm nghề). Như vậy, phụ nữ đóng góp công sức chủ yếu trong hoạt động dệt lụa.

Xét về vai trò đóng góp tiền mặt, kết quả cho thấy thu nhập trung bình từ sản xuất dệt lụa đạt khoảng 5 triệu đồng/người/tháng, con số này được thống nhất ở tất cả những người trả lời, và được đánh giá là ổn định hơn so với không làm nghề. “Thậm chí, nếu chăm chỉ thì thu nhập còn cao hơn nghề khác, vì làm bên ngoài chỉ có 8 tiếng, chứ làm nghề dệt có thể lên tới 11-12 tiếng một ngày, như tôi vẫn đóng góp 60% thu nhập trong nhà” (Nữ, đang làm nghề, 47 tuổi). Có trường hợp chồng làm nghề khác, thu nhập cao hơn vợ, nhưng “phần đóng góp của chồng bao giờ cũng ít hơn, đôi lúc không có. Khi ấy, cái khéo vun vén là ở người vợ, sao cho có bao nhiêu cũng vẫn đủ” (Nữ, đang làm nghề, 45 tuổi). Chi tiết này trùng hợp với kết quả của tác giả Nguyễn Thị Thanh Tâm (2008), tức là nam giới có thể kiếm tiền nhiều hơn, nhưng cũng chi tiêu nhiều hơn cho các nhu cầu của bản thân họ.

Về quản lý đất đai, trừ khi vợ chồng tự mua đất làm nhà, còn phần lớn nhà do bố mẹ chồng chia cho con trai, do đó, sổ đỏ không có tên con dâu. Tuy nhiên, làng nghề được dành một khoản vay riêng “tối đa 20 triệu để hỗ trợ phát triển nghề, và đối tượng vay phải là người đang trực tiếp làm nghề” (Nữ, đang làm nghề, 47 tuổi). Ngoài khoản vay này, nếu muốn vay thêm khoản khác thì vẫn cần thế chấp sổ đỏ, đây là một bất lợi cho phụ nữ khi không có tên trong sổ đỏ.

Đối với việc quản lý tiền mặt, phụ nữ là người thực hiện chủ yếu. Thậm chí, người chồng “không quan tâm, vì coi đó là việc của phụ nữ” (Nữ, đang làm nghề, 47 tuổi). Khi giữ tiền mặt, “phụ nữ cũng quyết định chi tiêu, vì đã thu vào thì phải biết chi như thế nào để có sự điều chỉnh hợp lý” (Nam, đang làm nghề, 62 tuổi), hay “mình quyết định chi tiêu chứ, mình không vun vén thì làm sao đủ tiêu” (Nữ, đang làm nghề, 45 tuổi). Đặc điểm này vốn từ xa xưa, với quan niệm “phụ nữ phải tề gia nội trợ” (Nữ,

đang làm nghề, 90 tuổi). “Quyết định các việc lớn trong nhà vẫn cần có sự bàn bạc” (Nữ, đang làm nghề, 45 tuổi). Phát hiện này không có khác biệt so với những nghiên cứu đã có.

Về cơ bản, trong hoạt động sản xuất, vợ chồng gần như không có mâu thuẫn khi ra quyết định. Trước hết, một số khâu đã thuê ngoài, các địa chỉ thuê ngoài đều quen thuộc nên không cần tranh luận xem sử dụng dịch vụ nào. Nguồn nguyên liệu, giá cả, mối tiêu thụ đều là các mối quen thuộc và theo giá cả thị trường nên không có gì đột biến để bàn bạc lựa chọn. Các khâu còn lại do phụ nữ làm chính nên phụ nữ sẽ hiểu cần phải thay đổi hay bổ sung gì cho công việc thuận lợi. Việc thay đổi mẫu mã lụa được thực hiện theo đặt hàng trực tiếp từ các mối thu mua. Việc mua thêm khung dệt mở rộng sản xuất cần căn cứ vào diện tích đất, trong khi đất ở tại làng lụa đã khá chật, rất khó để mở rộng sản xuất.

Nam giới làng nghề được đánh giá là không có tính gia trưởng, và không nề hà việc nhà nếu vợ bận. Nguyên nhân có thể bắt nguồn từ việc “nam giới ở đây đều sinh ra trong những gia đình mà bố mẹ làm nghề, mọi người đều chăm chỉ hỗ trợ nhau nên sau này lớn lên cũng xây dựng gia đình riêng như vậy” (Nữ, đã chuyển sang bán hàng lụa cho cửa hàng, 47 tuổi). Nam giới không gia trưởng nhưng phụ nữ cũng không chủ động lôi kéo nam giới cùng chia sẻ với mình, vì “nhờ thì thỉnh thoảng cũng nhờ, nhưng mình làm được nên cứ làm thôi. Đàn ông mà, đều đi chơi nhiều hơn, xung quanh ai cũng thế…” (Nữ, đang làm nghề, 45 tuổi). Vì vậy, mặc dù tất cả các chị em được phỏng vấn đều nói là vợ chồng bình đẳng, nhưng khái niệm “bình đẳng” ở đây cần được hiểu là không bị chồng ra lệnh, được chủ động trong hoạt động sản xuất, chứ không hẳn là sự san sẻ giữa vợ chồng trong mọi công việc.

Tóm lại, ở trường hợp làng nghề Vạn Phúc có một số nét nổi bật. Thứ nhất, phụ nữ giữ vai trò chủ lực trong hoạt động sản xuất dệt lụa. Thứ hai, trong một số gia đình, thu nhập của nam giới có thể cao hơn nhưng chi tiêu trong gia đình lại chủ yếu lấy từ thu nhập làm nghề của phụ nữ. Đồng thời, trong một số gia đình khác, thu nhập từ nghề của phụ nữ còn chiếm phần đa số trong tổng thu nhập gia đình. Thứ ba, bắt nguồn từ văn hóa gia đình ở Vạn Phúc, nam giới không có tính gia trưởng, và bắt nguồn từ bản thân vai trò kinh tế của phụ nữ trong gia đình, nên phụ nữ có tiếng nói quyết định trong nghề, và có nhiều quyền trong việc kiểm soát chi tiêu. Thứ tư, hỗ trợ nhà nước đối với làng nghề thông qua xây dựng quỹ hỗ trợ làng nghề là điểm khiến cho vấn đề bất bình đẳng trong tiếp cận nguồn vốn ở Vạn Phúc có cải thiện so với nhiều khu vực khác. Vì vậy, tuy thời

gian lao động có thể cao hơn phụ nữ ở nhiều nơi khác, nhưng đổi lại, vai trò kinh tế của phụ nữ làng nghề Vạn Phúc được thừa nhận và tôn trọng.

Làng rèn Đa Sỹ

Nếu như làng lụa Vạn Phúc đang ở giai đoạn thoái trào, gần như chỉ cố gắng duy trì, chứ khó mở rộng phát triển, thì ở Đa Sỹ, hoạt động làng nghề vẫn đem lại thu nhập chính cho các hộ dân.

Đa Sỹ thuộc phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Hà Nội. Đa Sỹ phải tới đời Trần mới trở thành làng nghề chuyên sâu, và phát triển cho tới ngày nay. Sản phẩm chính của làng bao gồm các loại kim khí phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, và đồ gia dụng mà chiếm đa phần là dao phục vụ sinh hoạt của các gia đình. Trước năm 2005, nghề rèn là nghề phụ sau sản xuất nông nghiệp, nhưng sau khi nhà nước thu hồi đất ruộng, số ruộng trong làng chỉ đủ phục vụ nhu cầu lương thực trong gia đình, còn nguồn thu nhập chính là từ nghề rèn. Trong làng có trên 700 hộ đang trực tiếp sản xuất nghề rèn, trên 100 hộ kinh doanh và thu gom các sản phẩm làng nghề, ngoài ra còn có nhiều hộ gia đình làm dịch vụ phục vụ nghề rèn như cung cấp nguyên liệu sắt, thép, than cán, và bán lẻ sản phẩm làng nghề. Thu nhập trung bình ở các hộ sản xuất thủ công là 10-12 triệu đồng/ tháng, trong khi các hộ sử dụng búa máy là 20-25 triệu đồng/ tháng.

Tìm hiểu các công đoạn của nghề rèn cho thấy, ngoài công đoạn đùu và công đoạn cuối là mua nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm, các công đoạn còn lại thuộc về kỹ thuật của nghề rèn, và đều là các khâu chính, bao gồm: cắt sắt, rèn, đàm, dẻo, rút (dùng máy), giũa xác, tôi, rút lại, xác lại, mài đá, liếc khan, đóng cán, bồi dầu. Đối với gia đình chuyên làm dao thửa như dao mổ lợn, mổ bò thì công việc hầu như làm thủ công, và có thêm những công đoạn đặc biệt, ví dụ “nguyên vật liệu cũng phải thửa loại sắt dày, chẻ đôi miếng sắt ra rồi nhét một miếng thép vào, nung và dập thành một khối”, tôi bằng máy chuyên dụng ở Hà Nội, và làm chuôi/cán dao đặc biệt chuyên cho dao thửa (Nam, 50 tuổi). Như vậy, Đa Sỹ có hai phân cấp về nghề: nghệ nhân chuyên làm dao thửa, và thợ thông thường làm dao rút là loại dao thông dụng có chất lượng bình thường.

So với trước kia, công việc rèn đã bớt phần nặng nhọc, ví dụ tấm sắt đã được xé sẵn theo kích thước đặt hàng, chứ không như “ngày xưa tấm sắt to như cái cửa, chồng cầm kìm, ba mẹ con vít, để xé ra” (Nữ, 46 tuổi), hay sự xuất hiện của máy rút giúp năng suất cao hơn. Mặc dù vậy, rèn vẫn là công việc nặng nhọc, đòi hỏi kỹ thuật cao, và bắt buộc cả hai vợ chồng phải cùng phối hợp giữa các khâu để có thể hoàn thành công việc trong một ngày.

Công việc trong làng thường bắt đầu từ 5 giờ sáng với hình ảnh chồng cầm kìm và búa con, vợ cầm búa quai sắt. Cứ như vậy, chồng làm khâu này thì vợ làm khâu khác, luân chuyển cho nhau, tất cả các việc còn lại như đi chợ, nấu cơm, đưa con đi học khi con còn nhỏ, và kể cả ăn sáng hay ăn trưa đều “tranh thủ làm nháo nhào, và không mất nhiều thời gian” (Nữ, 43 tuổi). Thông thường, người chồng tập trung nghề, người vợ kết hợp với tất cả việc nhà. Lý do chính là có những công đoạn như nung sắt đòi hỏi sức khỏe, và người chồng buộc phải làm, trong lúc đó, vợ tranh thủ lo việc khác trong nhà. Với gia đình làm dao thửa, nhiều khâu chỉ có người chồng làm được vì yêu cầu kỹ thuật tay nghề cao, ví dụ kỹ thuật đánh dẹt mỏng phôi thành dao sau khi nấu chảy và dập thành một khối gồm hai nửa miếng thép và miếng sắt. Có thể nói, với nghề rèn, vai trò của người chồng quan trọng hơn vai trò của người vợ. Tuy nhiên, nếu thiếu người vợ thì người chồng cũng không thể gánh vác xuể. Các chị tham gia phỏng vấn đều xác nhận rằng “cả người cầm kìm và rìu đều phải cắn tay, do đó, nếu hai vợ chồng không hòa hợp thì khó có sản phẩm tốt”, và “nhà nào cũng thế, vợ chồng phải hỗ trợ nhau, không thì tối mịt không xong” (Nữ, 46 tuổi – Nữ, 43 tuổi).

Các gia đình thường kết thúc công việc vào 5-6 giờ chiều, để nghỉ ngơi và chuẩn bị bữa tối. Ở gia đình làm dao thông thường, đây là thời điểm kết thúc công việc của một ngày, nhưng với gia đình làm dao thửa, đây mới chỉ là thời điểm kết thúc công việc của người chồng, còn người vợ sau bữa tối sẽ tiếp tục công đoạn làm cán/chuôi dao cho dao thửa. Đối với dao thông thường, sẽ có hộ gia đình chuyên cung cấp chuôi dao có sẵn, nhưng với dao thửa thì chính hộ gia đình sản xuất ra sẽ phải tự chế chuôi dao. Công đoạn này khoảng 9 giờ tối thì kết thúc. Nếu gia đình có con nhỏ, chẳng may quấy khóc thì người vợ tiếp tục dỗ con cho tới khi “con ngủ thì mình được ngủ” (Nữ, 46 tuổi, con út 2 tuổi). Người vợ làm chuôi dao thửa chia sẻ: “phần chuôi dao một mình chị làm, vì chồng cũng cần phải nghỉ chứ, cả ngày làm vất vả rồi”, và “thì xưa nay, xung quanh phụ nữ đều vậy, nên việc chồng có nhiều thời gian nghỉ hơn cũng là chuyện bình thường” (Nữ, 46 tuổi). Một nam giới chia sẻ “đã là làng nghề thì phụ nữ cực vất vả, vất vả hơn những nơi khác”, nhưng đồng thời “chính vì có nguồn thu nhập từ nghề nên phụ nữ làng nghề được tôn trọng” (Nam, 47 tuổi).

Như vậy, việc đánh giá cụ thể xem đóng góp kinh tế và công sức của phụ nữ hay nam giới trong gia đình ở Đa Sỹ cao hơn đều không khả thi và không hợp lý, vì công việc này không ai có thể tự làm một mình, và các khâu đều phải phối hợp nhịp nhàng liền mạch thì mới hoàn thành công việc. Ở Đa Sỹ, vợ và chồng đều là trụ cột kinh tế, nhưng người vợ có xu

hướng được phân công những công việc đòi hỏi thời gian và sự cần mẫn, còn người chồng thì được phân công những hoạt động vất vả, đòi hỏi nhiều kỹ thuật, và có tính tập trung.

Về quản lý đất đai, Đa Sỹ cũng giống như Vạn Phúc hay các vùng đất khác. Tuy nhiên, ở các trường hợp phỏng vấn, các ý kiến đều cho rằng không cảm thấy lo ngại hay khó khăn gì với bản thân phụ nữ, vì hoặc “mọi việc lớn nhỏ trong sản xuất vợ chồng đều bàn bạc” (Nữ, 43 tuổi), hoặc “muốn mở rộng sản xuất cũng khó vì đất chật nên không định vay vốn” (Nữ, 46 tuổi).

Đối với quản lý tiền mặt, người vợ chủ yếu vẫn giữ vai trò “tay hòm chìa khóa”, vì lẽ “từ xa xưa đã thế, phụ nữ tề gia nội trợ mà” (Nữ, 85 tuổi), và còn vì lẽ “là người ta sợ đàn ông hay đi chơi” (Nam, 47 tuổi). Thu nhập từ nghề chủ yếu dành cho các “hoạt động đều hàng ngày, hàng tháng như ăn uống, học hành, cỗ bàn,… nên cũng không cần bàn bạc gì” (Nữ, 43 tuổi).

Về quyền ra quyết định trong gia đình, phần lớn các chị đều chia sẻ rằng nam giới sẽ quyết việc lớn. Quan trọng hơn, những quyết định này không phải là sự áp đặt, mà vì “anh ấy hiểu biết hơn, nên tôi cũng nghe theo, chứ không phải anh không cho tôi có ý kiến” (Nữ, 46 tuổi). Ngoài ra, mặc dù tất cả các ý kiến đều cho rằng nam nữ Đa Sỹ bình đẳng, nhưng khi tìm hiểu sâu hơn, sự êm ám của gia đình nhìn chung có công lớn của người vợ trong việc tạo ra sự hòa thuận “đàn ông hay nóng hơn mình, mình cũng có lúc nóng nhưng vẫn nhịn, phụ nữ Việt Nam mà” (Nữ, 46 tuổi).

Tóm lại, ở làng nghề Đa Sỹ có thể đưa ra một số nhận xét cơ bản. Thứ nhất, cả nam giới và phụ nữ đều là trụ cột kinh tế, nhưng nam có xu hướng thực hiện các phần việc có tính tập trung, đòi hỏi sức khỏe và kỹ thuật, nữ có xu hướng thực hiện các phần việc đòi hỏi thời gian và tính bền bỉ. Thứ hai, vai trò kinh tế của người vợ được công nhận, và người phụ nữ làng nghề được tôn trọng. Thứ ba, mặc dù cùng làm nghề nhưng do hiểu biết của người chồng thường được đề cao hơn, nên sau khi vợ chồng bàn bạc, các quyết định cuối cùng liên quan đến hoạt động sản xuất chủ yếu vẫn do người chồng nắm giữ.

5. Bàn luận

Theo lý thuyết về các loại hình sinh kế ở nông thôn của Ellis (2000), khi các loại hình sinh kế ở nông thôn trở nên đa dạng hơn, tồn tại ba xu hướng sắp xếp lao động về mặt giới ở các hộ gia đình. Thứ nhất, phụ nữ gần như bị bỏ lại đằng sau với những công việc đồng áng và việc nhà, còn

nam giới tìm kiếm các công việc bên ngoài gia đình. Xu hướng phổ biến thứ hai là phụ nữ phải chịu gánh nặng gấp đôi, gấp ba về công việc khi bản thân họ có cơ hội đa dạng hóa các hoạt động sinh kế. Xu hướng cuối cùng là cả nam giới và phụ nữ trong gia đình hỗ trợ lẫn nhau trong tất cả công việc, hoặc linh hoạt khi phân chia lao động. Như vậy, cho dù ở cách sắp xếp nào thì vai trò của phụ nữ trong việc đóng góp kinh tế và công sức cho gia đình đều không thể phủ nhận. Thực tế, những loại hình này đều tồn tại ở 2 làng khảo sát Vạn Phúc và Đa Sỹ, và vai trò của phụ nữ đã được chứng minh.

Nhìn chung, ở cả hai làng nghề, một điểm dễ nhận ra là vai trò và vị thế kinh tế của phụ nữ đều được công nhận. Tiếp theo, thời gian dành cho hoạt động sản xuất tại làng nghề kéo dài hơn so với ở các khu vực chỉ làm nông nghiệp, nên có thể nói phụ nữ làng nghề vất vả hơn so với phụ nữ chỉ làm nông nghiệp. Tuy nhiên, bù đắp lại sự vất vả đó là sự chủ động về thời gian, và quan trọng hơn là sự chủ động về tài chính và chủ động trong công việc. Cuối cùng, mối quan hệ vợ chồng cũng tương đối bình đẳng, thể hiện ở sự tôn trọng khi cả hai cùng đóng góp và hỗ trợ nhau hàng ngày như trường hợp Đa Sỹ, hoặc thể hiện ở việc người chồng sẵn sàng hỗ trợ nếu có sự nhờ vả từ phía người vợ như trường hợp Vạn Phúc.■

Tài liệu trích dẫn

- Ellis, F. 2000. *Rural Livelihoods and Diversity in Developing Countries*. New York: Oxford University Press.
- Nelson, Margaret et al. 2002. "The impact of Women on Household Economies: A Maya Case Studies". Trong: Nelson, Sarah Milledge; Rised-Ayalon, Miriam ed.. *In Pursuit of Gender: Worldwide Archaeological Approaches*. Altamira Press. Walnut Creek.
- Nguyễn Linh Khiếu. 2003. *Nghiên cứu phụ nữ: Giới và Gia đình*. NXB Khoa học Xã hội. Hà Nội.
- Nguyễn Phương Lê. 2009. "Changing of Women's Roles in Production under a Patriarchal Society: Case Study in a Traditional Craft Village, Northern Vietnam". *Asean Social Science*, Vol.5, No.3, March.
- Nguyễn Thị Thanh Tâm. 2008. *Sự thích ứng của người di cư tự do từ nông thôn ra thành phố và các vùng phụ cận: Nghiên cứu trường hợp Hà Nội*. Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới. Hà Nội.
- Trần Thị Văn Nương. 2013. "Phân công lao động theo giới trong gia đình: Cách nhìn mới cho một chủ đề cũ". *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*. Số 3.
- UNRWA. 2011. *UNRWA Gender Analysis Manual*.